

Số: **53** /2019/QĐ - UBND

Vĩnh Phúc, ngày **07** tháng **11** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý di tích, di vật, cổ vật,
bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Di sản văn hoá ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ngày 16 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá;

Căn cứ Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội;

Căn cứ Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo;

Theo đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 117 /TTr-SVH, TT&DL ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Báo cáo số 210/BC-STP ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2019 và thay thế Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 5/7/2012 của UBND tỉnh Vĩnh

Phúc về việc ban hành Quy định về quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức và cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ VH, TT&DL (b/c)
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, các đoàn thể tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo tỉnh;
- Các đoàn thể tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Vĩnh Phúc;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Công TTGTĐT tỉnh;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, VX3 (H- 63 b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trì

QUY ĐỊNH

Quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: **53** /2019/QĐ-UBND
ngày **07** tháng **11** năm 2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh (Sau đây gọi chung là di tích), di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; trách nhiệm, mối quan hệ phối hợp của các cấp, các ngành trong quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, công dân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài có liên quan đến các hoạt động quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc phải thực hiện theo Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Chương II

QUẢN LÝ, BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH

Mục 1

XẾP HẠNG DI TÍCH

Điều 3. Điều kiện xếp hạng di tích

1. Là các di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học được quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Di sản văn hoá năm 2001 và khoản 9, 10, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá năm 2009.

2. Có quỹ đất hợp pháp, không có tranh chấp;

3. Có biên bản đồng thuận của nhân dân và văn bản đề nghị của chính quyền địa phương đề nghị xếp hạng di tích.

Điều 4. Lập, thẩm định hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích và thẩm quyền quyết định xếp hạng di tích

1. Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm lập hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích.

2. Hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích theo quy định tại Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

3. Thẩm quyền quyết định xếp hạng di tích thực hiện theo khoản 11, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009.

Điều 5. Tổ chức trao nhận bằng xếp hạng di tích

1. Phân công trách nhiệm trao bằng xếp hạng di tích
 - a) Đối với bằng di tích quốc gia đặc biệt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - b) Đối với bằng di tích quốc gia: Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
 - c) Đối với bằng di tích cấp tỉnh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.
2. Cơ quan, tổ chức được giao tổ chức đón nhận bằng xếp hạng di tích chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình lễ trao nhận bằng xếp hạng di tích báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Mục 2

QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ DI TÍCH

Điều 6. Các hoạt động quản lý, bảo vệ di tích

1. Các di tích đã được xếp hạng hoặc chưa xếp hạng nhưng đã được đưa vào danh mục kiểm kê của tỉnh phải được bảo vệ nguyên trạng. Khi di tích xuống cấp hoặc bị xâm hại, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trực tiếp phải có phương án bảo vệ kịp thời và báo cáo cơ quan chức năng cùng phối hợp bảo vệ, tu bổ.
 2. Ban quản lý di tích cấp xã có nhiệm vụ:
 - a) Cử người trực tiếp trông coi, quản lý di tích;
 - b) Kiểm tra di tích và kiểm kê đồ thờ trong di tích theo định kỳ hàng quý, năm, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã về hiện trạng di tích và đồ thờ trong di tích.
 - c) Trong trường hợp khẩn cấp như hỏa hoạn, thiên tai, sập đổ di tích phải phối hợp với tiểu ban quản lý di tích, người trực tiếp trông coi di tích có biện pháp ứng phó, giảm thiểu hư hại cho di tích, báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã.
 - d) Có phương thức thu, nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, nguồn đóng góp đảm bảo thực hiện nếp sống văn minh tại di tích.
 3. Tiểu ban quản lý di tích, người trực tiếp trông coi di tích hoặc các chức sắc tôn giáo và nhà tu hành (đối với các di tích có chức sắc tôn giáo và nhà tu hành trụ trì) có nhiệm vụ:
 - a) Trực tiếp bảo quản di tích và các hiện vật trong di tích;
 - b) Không được tự ý làm thay đổi hiện trạng di tích.
 - c) Khi phát hiện di tích và hiện vật trong di tích có dấu hiệu xuống cấp hoặc mất hiện vật phải kịp thời báo cáo Ban quản lý di tích và Ủy ban nhân dân cấp xã;
 - d) Trong trường hợp khẩn cấp (hỏa hoạn, thiên tai, sập đổ di tích) phải báo cáo ngay với chính quyền địa phương để huy động các lực lượng ứng phó, có biện pháp thích hợp để giảm thiểu hư hại cho di tích.

4. Các tổ chức, cá nhân khi phát hiện di tích xuống cấp hoặc bị xâm hại cần phải báo cáo ngay cho chính quyền địa phương nơi có di tích để có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 7. Tổ chức lễ hội tại di tích

1. Việc tổ chức lễ hội tại di tích phải tuân thủ theo Điều 22 Luật Di sản văn hóa năm 2001, khoản 7, Điều 1 Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội và các quy định của pháp luật hiện hành; phải phù hợp với tính chất, đặc điểm lịch sử của di tích, phù hợp với thuần phong mỹ tục và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Việc thông báo tổ chức lễ hội đối với những lễ hội tổ chức hàng năm thực hiện theo quy định tại Điều 14, nội dung hồ sơ thông báo tổ chức lễ hội thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP.

3. Việc đăng ký tổ chức lễ hội đối với những lễ hội được tổ chức lần đầu; lễ hội lần đầu được khôi phục lại sau thời gian gián đoạn từ 02 năm trở lên thực hiện theo quy định tại Điều 9, nội dung hồ sơ đăng ký tổ chức lễ hội thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP.

4. Đối với các cuộc lễ tôn giáo được tổ chức hàng năm tại các di tích là cơ sở tôn giáo như: Vu Lan, Phật đản, Nô-en, Phục sinh, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.

5. Các lễ hội đã được phê duyệt nội dung, kịch bản, ban tổ chức lễ hội có trách nhiệm thực hiện theo đúng nội dung, kịch bản đã được phê duyệt.

Điều 8. Quản lý các hoạt động tại di tích

1. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, văn hoá nghệ thuật, dịch vụ du lịch tại di tích phải thực hiện theo sự hướng dẫn và giám sát của cấp chính quyền quản lý trực tiếp di tích.

2. Các tổ chức, cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc tổ chức hợp tác khoa học quốc tế có nhu cầu nghiên cứu khoa học tại các di tích trên địa bàn tỉnh phải đăng ký với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản. Trường hợp tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc tôn giáo là người nước ngoài đến Vĩnh Phúc để tiến hành các hoạt động có liên quan đến tôn giáo tại các di tích là cơ sở tôn giáo trên địa bàn tỉnh phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Tôn giáo Chính phủ.

Điều 9. Quản lý và sử dụng các nguồn thu từ di tích

1. Người phụ trách (trụ trì), ban Quản lý di tích phải có phương thức thu, nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tiền được huy động từ nguồn xã hội hóa, tài trợ, có sổ sách rõ ràng, chi tiêu đúng mục đích theo quy định.

2. Việc quản lý, sử dụng các nguồn thu phải được công khai, minh bạch và được sự giám sát, kiểm tra của chính quyền cấp quản lý trực tiếp di tích.

Điều 10. Tiếp nhận, bổ sung đồ thờ mới vào di tích

1. Việc tiếp nhận, bổ sung đồ thờ mới vào di tích phải đảm bảo:

a) Được sự đồng thuận của nhân dân nơi có di tích, được sự đồng ý và hướng dẫn cụ thể của chính quyền địa phương.

b) Đồ thờ được bổ sung phải có giá trị thẩm mỹ, kích thước, kiểu dáng, màu sắc phù hợp với loại hình, không gian kiến trúc và nội thất của di tích.

2. Việc bổ sung hoặc tiếp nhận các đồ thờ mới vào di tích phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa:

a) Đối với di tích chưa xếp hạng: Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố.

b) Đối với di tích đã xếp hạng: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 11. Quản lý đất di tích

1. Việc cấm mốc giới các khu vực bảo vệ di tích thực hiện theo điều 14 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá.

2. Đối với các di tích đã bị đổ nát, chỉ còn là phế tích, còn địa điểm mặt bằng, không còn các dấu tích vật chất (ngọc phả, sắc phong, tượng pháp, bia ký) thì không được xây dựng lại.

3. Đối với các di tích đã bị đổ nát, chỉ còn là phế tích và còn các dấu tích vật chất (ngọc phả, sắc phong, tượng pháp, bia ký) nếu nhân dân có nguyện vọng khôi phục, xây dựng mới, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, nghiên cứu kỹ những điều kiện của việc xây dựng lại để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và đề nghị các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Mục 3

BẢO QUẢN, TU BỒ VÀ PHỤC HỒI DI TÍCH

Điều 12. Nguyên tắc, yêu cầu bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích

1. Việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải bảo đảm các yêu cầu, nguyên tắc -được quy định tại khoản 15, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009, Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ.

2. Theo quy định, khi thực hiện các hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích giữ gìn tối đa các yếu tố gốc cấu thành di tích; tổ chức, cá nhân chủ trì lập quy hoạch, dự án hoặc chủ trì tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề đối với tổ chức và chứng chỉ hành nghề đối với cá nhân.

Điều 13. Tu bổ di tích

1. Các hoạt động tu bổ thường xuyên có tính chất sửa chữa nhỏ, không ảnh hưởng đến kết cấu kiến trúc của di tích đã xếp hạng (đào ngói, thay hoành, dui, lát nền, trát lại tường), Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ban quản lý di tích trực thuộc cấp huyện trực tiếp chỉ đạo việc tu bổ và báo cáo kết quả tu bổ sau khi được Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đồng ý bằng văn bản.

2. Các hoạt động tu bổ ảnh hưởng đến kiến trúc của di tích, phục hồi di tích, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích phải lập dự án và phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Hồ sơ đề nghị tu bổ di tích thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án tu bổ di tích được quy định Điều 20, Điều 21 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP.

Điều 14. Tu sửa cấp thiết di tích

1. Việc tu sửa cấp thiết di tích chỉ được tiến hành khi di tích có nguy cơ bị hủy hoại do tác động của môi trường thiên nhiên, của con người nhằm chống đỡ, gia cố, gia cường các bộ phận của di tích để kịp thời ngăn chặn di tích khỏi bị sập đổ trước khi tiến hành công tác bảo quản, tu bổ và phục hồi.

2. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm lập báo cáo tu sửa cấp thiết đối với di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích xếp hạng cấp tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Phòng Văn hoá và Thông tin cấp huyện chịu trách nhiệm lập báo cáo tu sửa cấp thiết đối với di tích chưa xếp hạng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Điều 15. Kinh phí bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích

1. Kinh phí bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích từ nguồn ngân sách nhà nước, xã hội hoá và các nguồn hợp pháp khác.

2. Các di tích đã xếp hạng và các di tích chưa xếp hạng nhưng nằm trong quy hoạch phát triển văn hóa - du lịch của tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất và phê duyệt dự án được xem xét để hỗ trợ kinh phí tu bổ từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định.

Chương III

QUẢN LÝ DI VẬT, CỔ VẬT, BẢO VẬT QUỐC GIA

Điều 16. Thông báo, giao nộp, thu nhận di vật, cổ vật bảo vật quốc gia

1. Tổ chức, cá nhân phát hiện di vật, cổ vật có trách nhiệm thông báo hoặc giao nộp cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; công an xã, phường, thị trấn nơi phát hiện di vật, cổ vật hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa để thu nhận, quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009 và Điều 18 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Việc thu nhận di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều này được lập thành biên bản, có sự chứng kiến của tổ chức, cá nhân liên

tran

quan. Nội dung biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, đặc điểm của di vật, cổ vật tại thời điểm thu nhận.

3. Khi thu giữ được di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do tìm kiếm, mua bán, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu trái phép, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định tại Điều 45 Luật Di sản văn hóa năm 2001.

Điều 17. Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

1. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia không thuộc bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành, bảo tàng tỉnh, nhà truyền thống hoặc di tích thực hiện việc đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Mục II, Mục III Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ Văn hóa Thông tin và khoản 1 Mục I Điều 2 Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Khuyến khích chủ sở hữu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia gửi các sưu tập di vật, cổ vật vào Bảo tàng tỉnh để bảo vệ và phát huy giá trị trong trường hợp chủ sở hữu không có đủ điều kiện và khả năng bảo vệ, tổ chức trưng bày, giới thiệu phục vụ công chúng.

Điều 18. Công nhận bảo vật quốc gia

1. Hiện vật là di vật, cổ vật được lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận bảo vật quốc gia là hiện vật đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa và đã được đăng ký theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa năm 2009.

2. Trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.

Điều 19. Mua bán, trao đổi, tặng cho, để thừa kế di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

1. Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được mua bán, trao đổi, tặng cho và để thừa kế theo quy định pháp luật.

2. Hoạt động mua bán, trao đổi, tặng cho và để thừa kế di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia phải thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 20. Làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

Tổ chức, cá nhân khi làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh, bảo tàng cấp tỉnh và sở hữu tư nhân phải được

Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép theo quy định tại Điều 46 Luật Di sản văn hoá năm 2001 và Điều 23 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 21. Đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trưng bày, triển lãm trong nước

1. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc đưa đi trưng bày, triển lãm đối với di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng tỉnh, nhà truyền thống theo đề nghị bằng văn bản của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích.

2. Người đứng đầu bảo tàng tư nhân, chủ sở hữu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia khi đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trưng bày, triển lãm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Khuyến khích các chủ sở hữu tư nhân đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trưng bày, triển lãm tại bảo tàng tỉnh.

Điều 22. Đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài

Hoạt động đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản ở nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009.

Điều 23. Quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo Ban quản lý di tích cấp xã thực hiện nhiệm vụ:

a) Lập hồ sơ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích;

Hồ sơ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia gồm: Sổ danh mục; ảnh chụp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Biên bản giám định di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; được lập thành 03 bộ (01 bộ do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, 01 bộ do Ban quản lý di tích cấp xã quản lý, 01 bộ do người trực tiếp trông coi di tích quản lý);

b) Kiểm kê theo định kỳ hàng quý, hàng năm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong di tích, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã về thực trạng di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và hoạt động quản lý, bảo vệ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

c) Khi phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có dấu hiệu hư hỏng (nấm mốc, mối mọt, bong sơn, gãy, vỡ) phải kịp thời, chủ động báo cáo, đề xuất phương án sửa chữa để Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

d) Trong trường hợp khẩn cấp như hỏa hoạn, thiên tai, di tích sập đổ hoặc nơi đặt di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia không đảm bảo an toàn, dễ xảy ra mất cắp phải kịp thời tổ chức di chuyển di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đến địa điểm an toàn để bảo quản và báo cáo ngay Ủy ban nhân dân cấp xã về việc di chuyển.

đ) Trường hợp tổ chức, cá nhân sở hữu di vật, cổ vật quốc gia cung tiến, công đức di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia vào di tích, ban quản lý di tích cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cho phép tiếp nhận.

2. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch xem xét, quyết định việc sửa chữa, bổ sung di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong di tích theo đề nghị bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 24. Quản lý di vật, cổ vật trong di tích khảo cổ

Trường hợp phát hiện di vật, cổ vật trong các di tích khảo cổ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải khoanh vùng khu vực cần bảo vệ, tổ chức lực lượng bảo vệ, kịp thời ngăn chặn các hành vi xâm phạm di tích khảo cổ và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức thu nhận, bảo quản theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc Bảo tàng tỉnh, nhà truyền thống

Hoạt động quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc Bảo tàng tỉnh, nhà truyền thống được thực hiện theo Quy chế kiểm kê hiện vật bảo tàng ban hành kèm theo Quyết định số 70/2006/QĐ-BVHTT ngày 15 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

Chương IV

**TRÁCH NHIỆM VÀ MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP
CỦA CÁC NGÀNH, CÁC CẤP**

Điều 26. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách về bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; đề xuất nguồn kinh phí sử dụng cho hoạt động này hàng năm.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể và địa phương thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; hướng dẫn xây dựng nội quy, quy định thực hiện thực hiện nếp sống văn minh tại di tích, đặc biệt là việc quản lý, sử dụng các khoản thu tại di tích.

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức và những người làm công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

d) Định kỳ 05 năm một lần, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan rà soát, kiểm kê di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí kiểm kê di

tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tại di tích trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện; công bố danh mục di tích kiểm kê.

e) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành Luật Di sản văn hóa và các quy định của nhà nước có liên quan; xử lý hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định.

f) Thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thẩm định các dự án về xây dựng, cải tạo các công trình nằm ngoài các khu vực bảo vệ di tích mà có khả năng ảnh hưởng xấu tới di tích hoặc các công trình cải tạo, xây dựng trong quá trình xây dựng mà phát hiện có di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

b) Tổng hợp và cân đối nguồn vốn đầu tư hàng năm cho các dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng ngân sách tỉnh và quy định về quản lý tài chính hiện hành đảm bảo kinh phí phục vụ cho hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

a) Phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động tôn giáo tại di tích theo quy định của pháp luật; tham gia quản lý các di tích có liên quan đến tôn giáo.

b) Quản lý hoạt động tín ngưỡng và các cơ sở tín ngưỡng không là di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê của địa phương.

5. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các Sở, ngành liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch trong lĩnh vực quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. Cấp giấy phép xây dựng các công trình thuộc di tích theo quy định.

6. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện quy hoạch quỹ đất di tích, cắm mốc giới bảo vệ di tích, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất di tích theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng và triển khai các dự án bảo vệ môi trường di tích; thanh tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất di tích theo thẩm quyền.

7. Trách nhiệm của Công an tỉnh

a) Đảm bảo giữ gìn an ninh trật tự, an toàn cho các hoạt động tổ chức lễ hội tại di tích và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

b) Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các sở, ngành có liên quan kiểm tra, ngăn chặn, xử lý vi phạm về bảo tồn và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của pháp luật.

8. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức giáo dục về bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; đưa việc tham quan, học tập, nghiên cứu di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia vào chương trình giảng dạy ngoại khóa hàng năm của các cấp học, trường học.

9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan

Các sở, ban, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các quy định của Luật Di sản văn hóa đối với các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành mình.

Điều 27. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý, xây dựng và tổ chức thực hiện bảo tồn và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong địa bàn quản lý, bố trí kinh phí sử dụng cho hoạt động này hàng năm.

2. Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan rà soát, kiểm kê di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định.

3. Thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, xử lý vi phạm về di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo thẩm quyền.

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trực tiếp di tích có trách nhiệm thành lập và quy định nội quy, quy chế hoạt động của ban quản lý di tích cấp xã, tiểu ban quản lý di tích tại địa phương để quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tại địa phương.

2. Thu nhận và bảo vệ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia được phát hiện trên địa bàn, báo cáo cơ quan có thẩm quyền về văn hoá, thể thao, du lịch.

3. Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan rà soát, kiểm kê di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định.

4. Phòng ngừa và ngăn chặn kịp thời mọi hành vi làm ảnh hưởng đến di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

5. Kiến nghị việc xếp hạng di tích.

6. Kiểm tra, khen thưởng, xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật Quốc gia theo Luật Di sản văn hóa và quy định này thì được khen thưởng theo quy định tại Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013 và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng.

2. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật Quốc gia thì sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và quảng cáo; Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và quảng cáo.

Điều 30. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh mới, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. *HL*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Trì